

Bản án số: 25/2018/HNGĐ -ST

Ngày: 19/10/2018

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Lâm

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Văn B
2. Ông Bùi Trung Thành.

- Th- ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tân — Thư ký Tòa án nhân dân huyện E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thuận – Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 19/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/6/2018 về việc: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXX-ST ngày 02/10/2018 giữa các đ- ong sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị A** – Sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn B** - Sinh năm 1981

Địa chỉ: F, xã G, huyện E, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh B, chị A.

NỘI A VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện vụ án ly hôn ngày 12/5/2018 và bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn B kết hôn với nhau vào năm 2005, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c- ối, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thúy Sơn, huyện E vào ngày 07/11/2005.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 07 năm đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B làm việc xa nhà, không có điều kiện gần gũi, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nên dẫn đến vợ chồng không hiểu nhau, thường xuyên lạnh nhạt và cãi cọ nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đỉnh điểm xảy ra vào đầu tháng 05/2018, do không thể chịu đựng

được cuộc sống chung với anh **B** nên chị đã bỏ về bên ngoại ở Thôn **C**, xã **D**, huyện **E** sinh sống, chị và anh **B** sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với anh Phạm Văn **B**.

Về con chung: Chị và anh **B** có 02 con chung: Cháu Phạm Minh Quân – Sinh ngày 23/01/2006 và cháu Phạm Trường Giang – Sinh ngày 04/6/2013. Ly hôn, nguyện vọng của chị là xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Giang, để cháu Quân cho anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.
*Tại bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn anh Phạm Văn **B** trình bày:*

Về hôn nhân: Anh thống nhất nh- ý kiến của chị **A** về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là quan điểm và cách sống không hợp nhau. Nay chị **A** có đơn khởi kiện xin ly hôn anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, nên anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ nuôi dạy con cái. Nếu chị **A** cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết.

Về con chung: Anh thống nhất nh- ý kiến của chị **A** về số con chung, tên tuổi của các cháu. Ly hôn, anh xin được nuôi cháu Quân, còn để cháu Giang cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, công nợ chung: Anh thống nhất như ý kiến của chị **A** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản thu thập chứng cứ tại nơi cư trú – Trưởng **F**, xã **G**, huyện **E** cung cấp như sau:* Anh Phạm Văn **B** và chị Phạm Thị **A** kết hôn với nhau vào năm 2005, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã **G**, huyện **E**. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 07 năm, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân địa phương không nắm được Việc mâu thuẫn của vợ chồng anh **B**, chị **A** cũng không báo cáo với chính quyền địa phương. Nay chị **A** có đơn xin ly hôn, quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết. Về con chung: Anh chị có 02 con chung. Nếu tr- ờng hợp anh chị phải ly hôn, thì đề nghị Tòa án căn cứ vào thực tế để quyết định giao con cho ai nuôi đảm bảo đ- ợc điều kiện về học tập, sinh hoạt của cháu. Về tài sản, công nợ chung: Địa phương không nắm được.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Tất cả các giai đoạn từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đ- ợc thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS năm 2015. Các đ- ơng sự thực hiện theo đúng quyền và nghĩa vụ quy định của BLTTDS năm 2015. Đề nghị HĐXX xem xét, đánh giá chứng cứ trên cơ sở quy định của pháp luật để đ- a ra quyết định đúng đắn, chính xác, khách quan nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đ- ơng sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị **A** và anh Phạm Văn **B**.
 - Về con chung: Giao cháu Giang cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Quân cho anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.
 - Về tài sản, công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.
 - Về án phí: Chị **A**, anh **B** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
- Tại phiên tòa hôm nay chị **A** vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh **B**, anh **B** thay đổi quan điểm của mình: Nếu chị **A** cương quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2]Về hôn nhân: Chị Phạm Thị **A** và anh Phạm Văn **B** kết hôn với nhau từ năm 2005, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c-ới, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của anh **B**, chị **A** cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thấy rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh **B** làm việc xa nhà, không có điều kiện gần gũi, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nên dẫn đến vợ chồng không hiểu nhau, thường xuyên lạnh nhạt và cãi cọ nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đỉnh điểm xảy ra vào đầu tháng 05/2018, do không thể chịu đựng được cuộc sống chung với anh **B** nên chị đã bỏ về bên ngoại ở Thôn **C**, xã **D**, huyện **E** sinh sống, chị và anh **B** sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai. Chị **A** yêu cầu được ly hôn, anh **B** mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ, nhưng chị **A** cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị **A**.

Xét tình cảm của anh chị thực tế không còn, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn đ-ợc, điều này chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc, nay chị **A** có yêu cầu xin ly hôn, anh **B** cũng đồng ý. Xét việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ điều 55 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **A** và anh **B**.

[3]Về con chung: Anh **B**, chị **A** có 02 con chung: Cháu Phạm Minh Quân – Sinh ngày 23/01/2006 và cháu Phạm Trường Giang – Sinh ngày 04/6/2013. Ly hôn, nguyện vọng của anh chị thống nhất là: Chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng cháu Giang, anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quân. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Xét sự thỏa thuận của anh chị đều hoàn toàn chính đáng, hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị.

[4]Về tài sản, công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]Về án phí: Anh chị thống nhất chị Phạm Thị **A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, 55, 57, 58, 81 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 271, khoản 1 Điều 273 BLTTDS năm 2015.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị **A** và anh Phạm Văn **B**.

2. Về con chung: Cháu Phạm Minh Quân – Sinh ngày 23/01/2006 và cháu Phạm Trường Giang – Sinh ngày 04/6/2013 là con chung của anh Phạm Văn **B**, chị Phạm Thị **A**. Giao cháu Giang cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Quân cho anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Anh **B**, chị **A** có quyền thăm nom con chung không ai đ- ợc cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

4. Về án phí: □p dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Thị **A** phải chịu 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST, nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2015/0004055 ngày 04/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện **E**, Chị **A** đã nộp đủ tiền án phí.

Ng□đ- ợc thi hành án dân sự, ng□đ- ợc phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị **A**, anh **B** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhân:

- Các đ- ơng sự;
- VKS huyện **E**;
- Chi cục THA DS huyện **E**;
- UBND xã **G**;
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- L- u hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Lâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

